

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;
2. Ông Lê Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sơn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị S, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Ấp Phước Trung, xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

+ *Bị đơn:* Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp Phước Trung, xã Long Phước, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- Chị Trương Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ch quen biết nhau một thời gian và về chung sống với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, chị và anh Ch chung sống hạnh phúc được một thời gian tới khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng chung sống tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, anh Ch thường hay uống rượu, không phụ

chị chăm lo cho gia đình, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh Ch vẫn không thay đổi, từ đó cuộc sống vợ chồng chị không còn hạnh phúc, không ai quan tâm chăm sóc tới ai. Chị và anh Ch ly thân với nhau từ năm 2020 tới nay. Nay chị thấy không thể nào tiếp tục chung sống với anh Lê Văn Ch được nữa, nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết không công nhận chị và anh Ch là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh Ch có 01 người con chung tên Trương Lê Tuấn A, sinh ngày 20/9/2015. Hiện tại, con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị S không còn yêu cầu hay trình bày gì khác và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn- anh Lê Văn Ch đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và được triệu tập đến tham gia phiên hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng anh Ch không đến và cũng không gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị S và việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Văn Ch đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, không công nhận chị S và anh Ch là vợ chồng.

Áp dụng của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Tuấn A cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị S phải chịu theo quy định của pháp luật. Anh Ch không phải chịu án phí

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn Ch tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt, chị S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị S và anh Ch theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Ch chung sống với nhau từ năm 2006, mặc dù đã có con chung nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị S và anh Ch có một người con chung tên Trương Lê Tuấn A, sinh ngày 20/9/2015. Khi ly hôn, chị S và anh Ch thống nhất giao con chung cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh Ch không có yêu cầu nên không xem xét ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 71; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Thị S và anh Lê Văn Ch là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị S và anh Ch thống nhất giao cháu Trương Lê Tuấn A, sinh ngày 20/9/2015 cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trương Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0022635 ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Chị S đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Lê Văn Ch không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ch được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Phước;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Chu Y